

Bản án số: 132/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01/7/2024
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Ngọc Thuận

2. Ông Lê Văn Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số **130/2024/TLST-HNGĐ** ngày 19 tháng 03 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 114/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 61/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2024 giữa :

1/ Nguyên đơn: **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp ĐH, xã TB, Thị xã CL, tỉnh Tiền Giang

2/ Bị đơn: **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp LHA, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(anh P có mặt, chị D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 03/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc D tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào khoảng năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 132/2013, quyền số 01/2013 ngày 12/8/2013. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc. Đến khoảng cuối năm 2015, hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay.

Hiện tại, anh P nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Anh P yêu cầu được ly hôn với chị D.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Nguyễn Ngọc N Y**, sinh ngày 06/3/2016. Khi ly hôn, anh P yêu cầu chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Như Ý đến tuổi trưởng thành, anh P không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù chị đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ. Đến nay, chị D không gửi bất kỳ văn bản nào cho Tòa án để phản hồi đối với các yêu cầu khởi kiện của anh P.*

Tại phiên tòa hôm nay:

Anh P thay đổi yêu cầu khởi kiện về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.500.000 đồng. Đối với các yêu cầu khởi kiện khác, anh P giữ nguyên.

Chị D tiếp tục vắng mặt, không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ *Về phần thủ tục*, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ mà pháp luật đã quy định đối với bị đơn.

+ *Về việc giải quyết vụ án*, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham dự phiên tòa, nhưng chị đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị D.

Xét, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh P liên quan đến việc cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2] **Về quan hệ tranh chấp:** Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp “*Ly hôn*”.

[3] Về hôn nhân:

Anh P và chị D xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 132 ngày 12/8/2013.

Tại phiên tòa, anh P trình bày nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do lỗi hoàn toàn từ anh, mặc dù có nghề nghiệp ổn định, nhưng anh

không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình mà ham mê cờ bạc (cá độ bóng đá) gây nợ nhiều, chị D buồn nên cùng con về nhà cha mẹ ruột của chị D sinh sống từ cuối năm 2016 cho đến nay. Trong 6 tháng đầu sau khi rời nhà chồng, 03 lần anh P cùng ba mẹ và người thân của anh có qua nhà, xin cha mẹ chị D cho phép được rước mẹ con chị D về lại nhà chồng, nhưng chị D đều không đồng ý. Hai người ly thân từ cuối năm 2016 đến nay.

Lời trình bày của anh P phù hợp với nội dung biên bản xác minh ngày 26/4/2024 (bút lục 16).

Đối với chị D, nhiều lần vắng mặt khi được Tòa án triệu tập, chị cũng không có bất kỳ phản hồi nào đối với các yêu cầu khởi kiện của anh P. Từ đó cho thấy, chị D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh P.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin ly hôn chị D của anh P là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh P trình bày có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc N Y, sinh ngày 06/3/2016. Xét, từ khi hai vợ chồng ly thân, con chung do chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Theo lời trình bày của anh P và qua kết quả xác minh thể hiện nghề nghiệp của chị D là công nhân, thu nhập ổn định (bút lục 16). Cháu Ý cũng có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, anh P cũng đồng ý giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, anh P có quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định, không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 2.500.000đồng/tháng, thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: anh P trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp với phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Anh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 244, Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn P.

- ***Về hôn nhân:*** Anh Nguyễn Văn P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc D.

- ***Về con chung:*** Giao con chung tên **Nguyễn Ngọc N Y**, sinh ngày 06/3/2016 cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành và lao động được.

Sau khi ly hôn, anh P được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định, không ai được quyền cản trở.

- ***Về cấp dưỡng nuôi con:*** Anh P phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền là 2.500.000đồng, thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

- ***Về tài sản chung, nợ chung:*** Không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí: Anh P phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được cản trừ với số tiền

300.000đồng tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011010 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh P còn phải nộp tiếp 300.000đồng án phí.

3/ Quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị Ngọc D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tam Bình, huyện Cai Lậy;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI